BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Số: 524/QĐ-ĐHSPTDTTHN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v : Công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học là sinh viên Hệ Đại học Chính quy, Khoá 53, ngành Giáo dục Thể chất, năm 2020 (Đợt 1, 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TDTT HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18/6/2012; Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Giáo dục Đại học; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 09/9/2020 và Quyết định số 481/QĐ-ĐHSPTDTTHN ngày 24/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội về việc công nhận thí sinh trúng tuyển hệ Đại học Chính quy, ngành Giáo dục Thể chất, năm 2020 (Đợt 1,2); Căn cứ thực tế nhập học của các thí sinh đã trúng tuyển hệ Chính quy, ngành Giáo dục Thể chất, năm 2020 (Đợt 1,2);

Xét đề nghị của ông (bà) Trưởng phòng Quản lý Đào tạo & Công tác Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công nhận **306** thí sinh trúng tuyển đã nhập học khoá 53, Hệ Đại học Chính quy, ngành Giáo dục Thể chất, năm 2020 (Đợt 1 có **161** em, Đợt 2 có **145** em. Trong đó có **12** em diện tuyển thẳng) của Trường ĐHSP TDTT Hà Nội (*có các danh sách kèm theo của từng đợt nhập học*).

Điều 2. Các ông, bà Trưởng các Phòng, Ban và các thí sinh trúng tuyển đã nhập học vào trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận :
- Như Điều 2
- P.Quản lý Đào tạo & CTSV
- Lưu HC-TH

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS. Nguyễn Duy Quyết

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS.2020-HỆ ĐH. CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
1	Đinh Hoàng Anh	0012	Nam	22/09/2002	7,6	8,0	9,5		25,1		2	Đ18A1
2	Đào Hoàng Anh	0013	Nam	28/01/2001	7,6	8,5	8,0		24,1		2	Đ18A2
3	Nguyễn Mai Anh	0018	Nữ	20/11/2002	8,9	8,3	5,0		22,2		2	Đ18B2
4	Nguyễn Thị Lan Anh	0026	Nữ	24/04/2002	8,0	7,5	7,0		22,5		2NT	Đ18B2
5	Vũ Quốc Anh	0030	Nam	05/09/2001	7,7	7,9	8,5		24,1		2	Đ18A3
6	Đỗ Đình Anh	0033	Nam	01/07/2002	7,2	7,7	8,5		23,4		2	Đ18A2
7	Lê Thị Quỳnh Anh	0034	Nữ	13/11/2002	7,3	7,7	10,0		25,0		1	Đ18B1
8	Nguyễn Bá Tuấn Anh	0035	Nam	27/10/2002	7,4	8,7	6,0		22,1		3	Đ18A4
9	Trần Lan Anh	0036	Nữ	18/02/2001	7,5	8,6	7,0		23,1		3	Đ18B2
10	Trần Kỳ Anh	0037	Nam	07/12/2002	6,7	8,1	7,5		22,3		3	Đ18A5
11	Nguyễn Tuấn Anh	0038	Nam	04/03/1999	6,4	8,2	9,5		24,1		3	Đ18A6
12	Trần Đình Quốc Bảo	0044	Nam	19/11/2002	6,4	7,8	9,0		23,2		1	Đ18A3
13	Trần Thị Trúc Chi	0055	Nữ	26/02/1998	6,6	9,0	6,5		22,1		1	Đ18B2
14	Nguyễn Thị Linh Chi	0056	Nữ	01/12/2002	8,0	8,3	6,5		22,8		2	Đ18B3
15	Bùi Thị Uyên Chi	0057	Nữ	28/09/2002	6,7	8,2	7,0		21,9	01	2	Đ18B2
16	Phạm Minh Chiến	0062	Nam	26/10/2002	6,8	7,7	10,0		24,5		2	Đ18A4
17	Nguyễn Đình Hoàng Chung	0067	Nam	13/08/2002	6,4	8,4	9,0		23,8		3	Đ18A7
18	Đinh Tiến Công	0077	Nam	10/01/1996	6,0	6,8	10,0		22,8		3	Đ18A5
19	Vũ Quốc Cường	0082	Nam	07/04/2002	7,8	8,4	6,5		22,7		3	Đ18A7
20	Trần Hùng Cường	0083	Nam	08/02/2002	6,9	7,2	5,5		19,6		1	Đ18A1
21	Hoàng Quốc Cường	0084	Nam	07/12/1999	8,1	8,4	6,0		22,5	01	1	Đ18A2
22	Bùi Ngọc Duy	0090	Nam	12/03/2002	6,5	8,3	9,0		23,8		3	Đ18A4

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
23	Vũ Tuấn Duy	0092	Nam	15/04/2002	5,9	7,3	9,0		22,2		2	Đ18A5
24	Lê Quang Duy	0094	Nam	14/12/2001	5,6	6,9	9,5		22,0	01	1	Đ18A6
25	Vũ Việt Dũng	0098	Nam	28/04/2002	6,5	7,5	9,5		23,5		2	Đ18A7
26	Lê Anh Dũng	0101	Nam	05/01/2002	6,8	7,8	8,5		23,1		2	Đ18A1
27	Nguyễn Tiến Dũng	0103	Nam	31/03/2002	5,3	7,0	9,5		21,8		2NT	Đ18A2
28	Lê Văn Dũng	0104	Nam	19/06/2002	6,2	7,2	9,5		22,9		2NT	Đ18A3
29	Nông Văn Dương	0105	Nam	19/11/2002	7,7	8,7	8,0		24,4	01	1	Đ18A4
30	Phạm Đình Dương	0110	Nam	03/04/1999	6,1	8,1	9,0		23,2		3	Đ18A5
31	Nguyễn Văn Đạt	0119	Nam	11/06/2002	7,0	7,9	9,0		23,9		1	Đ18A6
32	Bùi Văn Đạt	0121	Nam	29/03/2002	6,1	7,8	9,0		22,9		2	Đ18A7
33	Nguyễn Hà Đạt	0123	Nam	27/03/2002	7,8	8,1	7,5		23,4		2	Đ18A1
34	Trần Phát Đạt	0124	Nam	22/08/2001	7,1	7,0	6,5		20,6		2	Đ18A2
35	Nguyễn Tiến Đạt	0125	Nam	05/03/2002	6,2	7,8	9,0		23,0		2	Đ18A3
36	Poong Thi Kim Đinh	0128	Nữ	12/09/2001	7,0	8,4	5,5	0,5	20,4	01	1	Đ18B1
37	Nguyễn Văn Đông	0130	Nam	28/08/2002	6,5	8,4	7,5		22,4		3	Đ18A4
38	Cao Minh Đông	0131	Nam	22/12/2001	6,5	7,8	8,0		22,3		1	Đ18A5
39	Nguyễn Trọng Đức	0132	Nam	03/05/2000	8,5	8,0	7,5		24,0		2NT	Đ18A6
40	Nguyễn Trung Đức	0139	Nam	13/12/2001	6,0	8,0	9,0		23,0		2	Đ18A1
41	Nguyễn Minh Đức	0142	Nam	25/02/2002	8,0	7,1	9,5		24,6		1	Đ18A2
42	Nguyễn Minh Đức	0143	Nam	04/04/2002	7,9	8,6	7,5		24,0		3	Đ18A3
43	Bùi Đinh Hoàng Đức	0145	Nam	10/11/2002	8,5	9,3	7,5		25,3	01	1	Đ18A5
44	Nguyễn Văn Đức	0146	Nam	08/07/2002	6,7	7,9	7,5		22,1	01	1	Đ18A4

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
45	Văn Hữu Giang	0148	Nam	02/08/2002	7,1	8,3	9,0		24,4		1	Đ18A6
46	Trần Trà Giang	0150	Nữ	20/08/2002	8,4	9,8	7,0		25,2		3	Đ18B2
47	Cà Văn Hai	0153	Nam	11/11/2001	8,0	7,8	8,0		23,8	01	1	Đ18A7
48	Hoàng Văn Tuấn Hào	0159	Nam	24/08/2002	6,5	7,9	7,0		21,4		2	Đ18A1
49	Lê Anh Hào	0160	Nam	13/12/2001	5,9	8,6	9,0		23,5		2	Đ18A2
50	Hoàng Thanh Hải	0162	Nam	25/10/2002	7,7	8,9	7,5		24,1		2	Đ18A3
51	Nguyễn Văn Hậu	0177	Nam	23/08/2001	7,6	7,8	7,5		22,9		2NT	Đ18A5
52	Nguyễn Thị Thanh Thanh Hiền	0179	Nữ	10/02/2002	6,3	7,1	7,0		20,4		2	Đ18B1
53	Bùi Minh Hiếu	0185	Nam	10/05/2002	6,5	7,0	6,5		20,0	01	1	Đ18A6
54	Nguyễn Quang Hiếu	0186	Nam	10/11/2002	7,0	7,8	7,0		21,8		2	Đ18A7
55	Đỗ Minh Hiếu	0187	Nam	01/08/2002	6,6	8,6	9,5		24,7		3	Đ18A1
56	Dương Văn Hiếu	0196	Nam	15/11/2000	7,3	7,8	5,5		20,6		2NT	Đ18A3
57	Nguyễn Đắc Minh Hiếu	0197	Nam	03/09/2002	6,3	8,9	9,0		24,2		3	Đ18A2
58	Ngô Thị Hoa	0201	Nữ	08/07/2002	7,6	7,5	9,0		24,1	02	2NT	Đ18B2
59	Trìu Ngọc Hoa	0202	Nữ	09/11/2002	7,5	8,6	7,0		23,1		1	Đ18B1
60	Phạm Ngọc Hoài	0206	Nữ	09/11/2002	7,5	8,1	10,0		25,6	02	2	Đ18B1
61	Nguyễn Thị Kim Hoàn	0208	Nữ	08/01/2002	6,5	7,3	7,5		21,3		2NT	Đ18B2
62	Trần Việt Hoàng	0213	Nam	02/08/2002	8,1	7,5	5,0		20,6		2	Đ18A4
63	Trần Huy Hoàng	0215	Nam	14/09/2001	5,9	7,7	9,5		23,1		2NT	Đ18A6
64	Nguyễn Bá Hoàng	0218	Nam	29/01/2002	7,6	6,9	7,5		22,0		1	Đ18A7
65	La Thị Huân	0223	Nữ	19/12/2002	7,1	6,9	6,5		20,5	01	1	Đ18B1
66	Bùi Văn Huy	0229	Nam	15/06/2002	6,8	7,9	8,5	0,5	22,7	01	1	Đ18A1

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
67	Trần Quang Huy	0230	Nam	04/02/2002	6,5	8,0	9,0		23,5		2	Đ18A2
68	Đỗ Manh Hùng	0237	Nam	22/01/2002	7,1	8,3	7,5		22,9		2	Đ18A3
69	Trần Manh Hùng	0246	Nam	14/09/2001	8,1	6,8	6,5		21,4		2NT	Đ18A5
70	Trần Duy Hưng	0248	Nam	18/04/2002	8,4	8,0	7,5		23,9		2NT	Đ18A6
71	Lương Quốc Hưng	0249	Nam	06/04/2002	6,8	8,0	7,5		22,3		1	Đ18A7
72	Lương Quốc Khánh	0262	Nam	30/06/2002	6,0	8,0	9,0		23,0		2	Đ18A3
73	Nguyễn Quốc Khánh	0265	Nam	25/01/2002	6,7	8,1	7,5		22,3		2NT	Đ18A4
74	Phạm Đức Kiên	0273	Nam	05/02/1998	6,7	8,7	9,0		24,4		3	Đ18A1
75	Lê Đức Kiên	0275	Nam	06/04/2002	6,0	8,4	9,5		23,9		2	Đ18A6
76	Trần Trung Kiên	0277	Nam	21/03/2000	8,5	8,7	8,5		25,7		1	Đ18A7
77	Lê Thế Linh	0291	Nam	12/08/2002	7,2	7,0	10,0		24,2		1	Đ18A2
78	Đỗ Thi Thùy Linh	0297	Nữ	21/01/1998	7,4	8,1	5,5		21,0		2NT	Đ18B1
79	Ngô Thùy Linh	0298	Nữ	14/08/2002	7,8	8,1	9,0		24,9		2	Đ18B2
80	Hồ Quỳnh Loan	0301	Nữ	26/05/2002	7,4	6,9	5,0		19,3		2NT	Đ18B1
81	Phạm Thành Long	0305	Nam	15/04/2000	6,0	6,6	10,0		22,6		2	Đ18A3
82	Đăng Quang Long	0306	Nam	05/10/2002	6,6	8,2	8,5		23,3		2NT	Đ18A4
83	Trần Thiên Long	0309	Nam	15/12/2000	6,0	8,4	9,0		23,4		3	Đ18A5
84	Lê Thi Ly	0317	Nữ	12/04/2001	7,5	7,4	7,0		21,9		1	Đ18B2
85	Lèng Thi Mai	0321	Nữ	01/12/2001	7,0	7,9	7,0		21,9	01	1	Đ18B1
86	Phạm Duy Mạnh	0325	Nam	24/04/2002	6,8	7,4	9,0	0,5	22,7		1	Đ18A6
87	Nguyễn Trịnh Tuấn Minh	0331	Nam	26/10/2002	5,6	7,1	9,5		22,2		1	Đ18A1
88	Trần Bình Minh	0337	Nam	17/07/2002	6,4	9,4	9,5		25,3		2	Đ18A2

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỨ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
89	Phạm Ngọc Trà My	0339	Nữ	22/09/2002	7,0	7,7	5,0		19,7		2NT	Đ18B2
90	Phạm Hoàn Mỹ	0341	Nam	20/09/1999	6,4	6,7	8,5		21,6		2NT	Đ18A5
91	Vũ Trọng Nam	0342	Nam	21/04/2002	7,2	8,5	9,5		25,2		2NT	Đ18A6
92	Nguyễn Duy Nam	0344	Nam	11/10/2002	6,9	7,2	9,0		23,1		1	Đ18A7
93	Lê Huy Nam	0353	Nam	10/02/2002	7,1	8,6	6,5		22,2		3	Đ18A1
94	Hoàng Tuấn Nghĩa	0363	Nam	28/02/2002	7,5	8,0	9,5		25,0		2NT	Đ18A2
95	Lê Hữu Nguyên	0371	Nam	09/11/2001	5,9	7,4	9,5		22,8		2	Đ18A3
96	Thái Thị Nhàn	0375	Nữ	07/06/2002	7,6	8,6	7,5		23,7		2NT	Đ18B1
97	Bùi Thị Thanh Nhàn	0376	Nữ	11/05/2002	7,5	8,8	9,0		25,3		2	Đ18B2
98	Đỗ Đức Nhật	0382	Nam	14/11/2001	6,3	7,4	9,0		22,7		2	Đ18A5
99	Nguyễn Quỳnh Nhung	0386	Nữ	11/09/2002	6,7	8,5	9,5		24,7		2	Đ18B1
100	Khổng Thị Phong	0393	Nữ	28/11/2002	7,9	8,7	6,5		23,1		2NT	Đ18B2
101	Nguyễn Doãn Thanh Phong	0394	Nam	20/09/2002	7,7	9,0	9,0		25,7		2	Đ18A6
102	Đỗ Hữu Phúc	0399	Nam	25/03/2002	8,3	8,7	8,0		25,0		3	Đ18A7
103	Lương Hữu Phúc	0400	Nam	27/04/2002	6,9	8,2	8,5		23,6		1	Đ18A1
104	Quách Minh Quang	0410	Nam	17/06/2002	5,7	7,5	9,5		22,7		1	Đ18A2
105	Vũ Minh Quang	0414	Nam	24/07/2002	7,3	8,6	6,5		22,4		3	Đ18A3
106	Nguyễn Thanh Quang	0418	Nam	27/06/2002	6,5	7,9	8,0		22,4		2NT	Đ18A4
107	Phí Thái Quảng	0419	Nam	27/10/2002	6,0	6,9	9,5		22,4		1	Đ18A5
108	Nguyễn Hồng Quân	0422	Nam	22/08/2002	6,5	7,3	8,0		21,8		1	Đ18A6
109	Ngô Doãn Minh Quân	0423	Nam	16/07/2002	7,8	8,9	7,5		24,2		3	Đ18A7
110	Lò Văn Quân	0428	Nam	05/11/2001	6,7	7,1	9,0		22,8	01	1	Đ18A1

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
111	Bùi Đức Quân	0429	Nam	30/12/2002	7,4	7,1	7,5		22,0		1	Đ18A2
112	Nguyễn Viết Quyết	0436	Nam	30/06/2002	7,6	6,6	8,5		22,7		2NT	Đ18A3
113	Lê Văn Quyết	0440	Nam	31/08/1996	6,0	7,1	9,0		22,1		3	Đ18A4
114	Lê Cảnh Quyết	0441	Nam	04/10/2002	6,3	7,5	9,5		23,3		2NT	Đ18A5
115	Phan Đức Quý	0448	Nam	07/02/2002	8,1	8,7	9,0		25,8		2	Đ18A6
116	Phạm Hồng Sơn	0454	Nam	09/10/2001	8,7	8,4	9,0		26,1		2NT	Đ18A7
117	Nguyễn Ngọc Sơn	0455	Nam	29/07/2002	8,2	7,9	6,5		22,6		1	Đ18A1
118	Đặng Thái Sơn	0457	Nam	10/04/2002	5,3	7,6	9,0		21,9		1	Đ18A5
119	Nguyễn Hồng Sơn	0458	Nam	09/04/2002	8,7	8,2	8,0		24,9		2NT	Đ18A2
120	Nguyễn Đức Sơn	0459	Nam	15/09/2002	8,7	8,5	8,5		25,7		2	Đ18A3
121	Nguyễn Văn Sơn	0460	Nam	20/12/2001	6,3	8,3	10,0		24,6		2	Đ18A4
122	Hoàng Đức Thành	0481	Nam	12/01/2002	7,5	8,1	7,5		23,1		3	Đ18A6
123	Trần Thị Phương Thảo	0483	Nữ	24/04/2002	7,4	8,8	9,0		25,2		2	Đ18B1
124	Hoàng Thị Thu Thảo	0485	Nữ	05/02/2002	6,8	7,8	7,0		21,6		1	Đ18B2
125	Vũ Đức Thái	0489	Nam	05/09/1995	8,3	7,2	9,0		24,5		3	Đ18A7
126	Nguyễn Văn Thắng	0491	Nam	06/03/2002	7,7	8,1	9,5		25,3		2	Đ18A1
127	Vũ Quang Thắng	0496	Nam	28/12/2002	7,7	8,9	8,5		25,1		2	Đ18A2
128	Hồ Quyết Thắng	0497	Nam	14/08/2002	6,7	8,7	5,5		20,9		3	Đ18A3
129	Nguyễn Hữu Thắng	0500	Nam	05/02/2002	7,2	7,1	8,5		22,8		2NT	Đ18A4
130	Đỗ Đình Thế	0503	Nam	31/08/2001	7,3	7,5	6,0		20,8		2	Đ18A5
131	Nguyễn Thế Thịnh	0510	Nam	11/10/2002	7,7	7,4	8,0		23,1		2	Đ18A6
132	Dương Thanh Thư	0525	Nữ	25/09/2002	7,5	7,1	5,5		20,1		2NT	Đ18B2

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
133	Trần Quang Toản	0533	Nam	08/06/2002	7,7	8,1	9,5		25,3		2NT	Đ18A7
134	Vũ Thị Huyền Trang	0541	Nữ	07/12/2001	7,5	8,3	8,5		24,3		1	Đ18B2
135	Ta Đức Trọng	0545	Nam	15/01/2001	6,3	8,6	9,0		23,9		2NT	Đ18A1
136	Nguyễn Thế Truyền	0549	Nam	03/07/1998	7,7	7,9	8,0		23,6		2	Đ18A2
137	Nguyễn Sinh Trường	0555	Nam	19/06/2001	7,2	8,3	8,5		24,0		2	Đ18A3
138	Lý Minh Tùng	0564	Nam	28/09/2002	8,4	9,6	7,5		25,5		1	Đ18A4
139	Phan Thanh Tùng	0566	Nam	27/04/2002	7,6	7,4	8,5		23,5	01	1	Đ18A5
140	Vũ Lâm Tùng	0569	Nam	30/07/2001	6,5	8,2	6,0		20,7		2	Đ18A1
141	Nguyễn Khánh Tùng	0571	Nam	04/09/2002	8,3	7,6	8,0		23,9		2NT	Đ18A6
142	Lê Quang Tùng	0572	Nam	10/10/2002	6,6	8,4	7,5		22,5		2	Đ18A7
143	Nguyễn Thanh Tú	0576	Nam	25/07/2001	7,3	7,4	6,5		21,2		2	Đ18A2
144	Vũ Minh Tú	0577	Nam	26/08/2002	5,9	7,0	9,0		21,9		2NT	Đ18A3
145	Hoàng Đức Tú	0579	Nam	11/07/2002	6,9	7,7	9,5		24,1	01	1	Đ18A4
146	Nguyễn Anh Tú	0580	Nam	30/10/2002	7,4	7,6	9,5		24,5		1	Đ18A5
147	Vũ Tuấn Tú	0581	Nam	25/08/2001	7,8	9,0	7,5		24,3		3	Đ18A6
148	Nguyễn Thu Uyên	0584	Nữ	23/09/2002	7,2	7,5	7,0		21,7		1	Đ18B2
149	Phạm Hồng Vân	0587	Nữ	07/02/2002	7,5	8,7	7,5		23,7		1	Đ18B2
150	Quàng Văn Việt	0593	Nam	22/09/2002	6,0	7,4	9,0		22,4	01	1	Đ18A1
151	Nguyễn Văn Vinh	0600	Nam	09/04/2000	6,4	6,6	9,0		22,0		3	Đ18A4
152	Trần Anh Vũ	0605	Nam	04/10/2002	6,4	8,1	9,0		23,5		3	Đ18A5
153	Lê Quý Vương	0606	Nam	27/09/2002	7,0	7,9	8,5		23,4		1	Đ18A6
154	Lê Mạnh Duy Anh	0614	Nam	01/10/2002	7,8	8,2	6,5		22,5		2	Đ18A7

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 1

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
155	Nông Minh Mẫn	0623	Nam	26/09/2002	6,1	5,5	9,5		21,1	01	1	Đ18A7
156	Đỗ Đức Anh	0637	Nam	04/01/2002	7,3	8,1	7,5		22,9		2	Đ18A1
157	Nguyễn Duy Hoàng Việt	0638	Nam	17/09/2002	7,2	7,1	9,5		23,8		2	Đ18A3
158	Đoàn Phương Anh	0639	Nữ	05/06/2000	8,0	8,3	6,5		22,8		3	Đ18B1
159	Nguyễn Anh Tú	0640	Nam	19/10/2002	5,9	7,5	9,0		22,4		3	Đ18A7
160	Dương Quốc Việt	0641	Nam	07/10/2002	7,9	8,3	9,5		25,7		2	Đ18A2
161	Nguyễn Thị Tú Uyên	0642	Nữ	03/09/2002	6,4	9,2	9,0		24,6		3	Đ18B1

TỔNG CỘNG CÓ **161** THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC.

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS. Nguyễn Duy Quyết

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI
TS'2020-HỆ ĐH_CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
1	Trần Nguyễn Hoàng An	0653	Nam	05/11/2000	6,0	7,2	9,0		22,2		3	Đ18A8
2	Đăng Tuấn Anh	0655	Nam	26/10/1993	5,6	6,4	9,0		21,0		3	Đ18A13
3	Nguyễn Thế Anh	0656	Nam	11/09/2002	8,5	7,9	7,5		23,9		2NT	Đ18A9
4	Trương Tiến Anh	0658	Nam	25/04/1999	6,3	7,9	10,0		24,2		2	Đ18A14
5	Vũ Tuấn Anh	0659	Nam	30/03/2002	7,5	8,7	10,0		26,2		2	Đ18A13
6	Nguyễn Thái Bảo	0660	Nam	03/10/2002	6,1	7,5	9,0		22,6		1	Đ18A10
7	Phạm Việt Bách	0661	Nam	17/07/2002	6,4	8,5	10,0		24,9		3	Đ18A11
8	Nguyễn Trọng Bình	0662	Nam	17/06/2002	6,6	8,1	8,0		22,7		3	Đ18A8
9	Đinh Thị Bích	0663	Nữ	25/11/1997	7,4	5,3	10,0		22,7		2	Đ18B3
10	Nguyễn Thị Chinh	0665	Nữ	31/10/2002	8,3	8,9	6,5		23,7		2NT	Đ18B3
11	Nguyễn Văn Chức	0666	Nam	04/07/2002	6,4	8,9	10,0		25,3		2	Đ18A13
12	Phạm Thành Công	0667	Nam	09/12/2002	6,7	8,0	8,5		23,2		2NT	Đ18A9
13	Nguyễn Phi Cương	0668	Nam	09/11/2002	6,5	6,8	9,0		22,3	01	1	Đ18A10
14	Nguyễn Mạnh Cường	0669	Nam	01/09/2001	6,9	7,3	8,0		22,2		2	Đ18A11
15	Phạm Mạnh Cường	0671	Nam	27/03/2002	6,4	8,7	10,0		25,1		2	Đ18A13
16	Nguyễn Anh Duy	0673	Nam	01/12/2002	5,8	7,0	9,0		21,8		3	Đ18A8
17	Nguyễn Khánh Duy	0674	Nam	29/04/2002	6,3	6,5	9,0		21,8		2NT	Đ18A9
18	Bùi Thị Mỹ Duyên	0675	Nữ	21/10/2002	7,5	8,3	6,0		21,8		1	Đ18B3
19	Bùi Tiến Dũng	0676	Nam	02/10/1995	5,6	6,9			TUYỂN THẲNG		3	Đ18A14
20	Nhâm Mạnh Dũng	0678	Nam	12/04/2000	7,5	7,2	10,0		24,7		2	Đ18A14
21	Nguyễn Bá Dương	0679	Nam	13/01/2002	6,4	9,0			TUYỂN THẲNG		2	Đ18A13
22	Nguyễn Trung Đạo	0682	Nam	02/10/2002	7,3	8,9	10,0		26,2		2	Đ18A13

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
23	Trần Phú Đạt	0685	Nam	20/07/2000	6,4	8,1	8,0		22,5		2	Đ18A11
24	Lê Công Đức	0689	Nam	05/01/2001	6,4	8,5	10,0		24,9		2	Đ18A13
25	Nguyễn Trường Giang	0693	Nam	03/05/2000	6,3	9,1	9,0		24,4		3	Đ18A10
26	Dương Thị Thanh Hà	0694	Nữ	13/05/2001	6,4	9,1	10,0		25,5		3	Đ18B3
27	Hoàng Hà	0695	Nam	16/08/2002	6,9	8,6	8,0	0,5	23,0		2	Đ18A11
28	Nguyễn Thị Thu Hà	0696	Nữ	05/05/2002	7,1	8,3	10,0		25,4		3	Đ18B3
29	Dương Văn Hào	0697	Nam	15/02/1997	6,3	8,1	10,0		24,4		3	Đ18A14
30	Quế Ngọc Hải	0699	Nam	15/05/1993	6,6	5,4			TUYỂN THẲNG		2	Đ18A14
31	Đoàn Thu Hằng	0700	Nữ	27/10/2001	6,4	8,7			TUYỂN THẲNG		3	Đ18B4
32	Bành Thế Hiếu	0701	Nam	24/01/2000	6,2	8,1	10,0		24,3		3	Đ18A9
33	Giang Minh Hiếu	0702	Nam	15/09/2002	6,5	8,3	9,0		23,8		3	Đ18A11
34	Hoàng Nguyễn Trung Hiếu	0703	Nam	18/06/2002	5,7	6,8	9,0		21,5		1	Đ18A9
35	Lê Trung Hiếu	0704	Nam	14/11/2000	7,0	6,6	9,5		23,1		3	Đ18A10
36	Trần Minh Hiếu	0705	Nam	26/10/2002	6,5	7,3	8,0		21,8	01	1	Đ18A8
37	Phạm Thị Thu Hoài	0706	Nữ	12/12/2002	7,7	9,1	5,5		22,3		3	Đ18B3
38	Đinh Minh Hoàng	0707	Nam	29/04/2002	5,3	6,0	9,0		20,3		2	Đ18A10
39	Nguyễn Huy Hoàng	0708	Nam	01/01/2001	5,1	6,8	9,5		21,4		1	Đ18A11
40	Nguyễn Trọng Hoàng	0709	Nam	14/04/1989	6,4	6,4			TUYỂN THẲNG		2	Đ18A14
41	Lê Thị Hồng	0710	Nữ	20/12/1996	7,1	8,0			TUYỂN THẲNG		2NT	Đ18B4
42	Nguyễn Gia Huy	0713	Nam	19/02/2000	7,8	8,7	9,0		25,5		3	Đ18A10
43	Trần Quang Huy	0716	Nam	08/09/2001	6,5	9,1	7,5		23,1		3	Đ18A8
44	Nguyễn Thị Huyền	0717	Nữ	15/05/2002	8,8	8,5	8,0		25,3		2NT	Đ18B4

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
45	Nguyễn Quốc Hưng	0718	Nam	28/05/2001	5,2	6,9	9,5		21,6		1	Đ18A11
46	Nguyễn Thu Hương	0720	Nữ	24/01/2001	6,0	8,1	9,0		23,1		3	Đ18B3
47	Bùi Quang Khải	0722	Nam	19/05/1993	5,6	7,0	9,0		21,6		3	Đ18A14
48	Hoàng Chí Lâm	0725	Nam	23/10/2002	6,8	8,3	7,0		22,1		3	Đ18A8
49	Bùi Thị Mỹ Linh	0726	Nữ	17/01/2002	6,6	7,8	7,0		21,4		1	Đ18B3
50	Cao Phương Linh	0727	Nữ	28/05/2001	7,4	9,1	8,5		25,0		3	Đ18B4
51	Nguyễn Quang Linh	0728	Nam	22/12/2002	7,4	7,8	7,5		22,7		3	Đ18A9
52	Trần Thanh Lịch	0729	Nam	19/10/2002	6,8	5,8	9,0		21,6	01	1	Đ18A10
53	Nguyễn Vũ Hải Long	0731	Nam	26/03/1999	6,5	7,1	10,0		23,6		3	Đ18A11
54	Bạch Đăng Minh	0736	Nam	20/03/2002	7,3	7,0	9,0		23,3		3	Đ18A8
55	Tạ Công Minh	0737	Nam	13/02/2002	7,1	8,3	8,0		23,4		1	Đ18A9
56	Đặng Phương Nam	0738	Nam	15/01/2002	8,1	8,6	9,0		25,7		3	Đ18A8
57	Khuất Hải Nam	0739	Nam	30/03/2001	7,8	8,6	10,0		26,4		3	Đ18A10
58	Lê Quốc Nhật Nam	0740	Nam	23/03/2001	7,4	8,6	10,0		26,0		2	Đ18A13
59	Nguyễn Hữu Nam	0742	Nam	01/01/2001	7,4	8,7	10,0		26,1		2	Đ18A13
60	Nguyễn Phương Nam	0743	Nam	10/12/2002	6,0	7,5	9,0		22,5	01	1	Đ18A9
61	Nguyễn Văn Nam	0744	Nam	29/07/2002	6,0	8,2	9,0		23,2		3	Đ18A11
62	Đỗ Tuấn Nghĩa	0746	Nam	15/07/2000	6,3	9,4	10,0		25,7		3	Đ18A11
63	Phạm Trọng Nghĩa	0747	Nam	31/03/2002	7,9	8,7	9,0		25,6		3	Đ18A8
64	Hoàng Kim Nguyệt	0748	Nữ	03/08/2001	6,5	7,5	6,0		20,0	03	1	Đ18B3
65	Hà Văn Nhật	0749	Nam	25/11/1999	6,6	6,0	9,0		21,6		2	Đ18A9
66	Ngô Thị Khánh Ny	0752	Nữ	18/10/2001	6,4	8,4			TUYỂN THẲNG		2	Đ18B4

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
67	Phạm Hoàng Phi	0753	Nam	19/01/2001	7,7	8,8	10,0		26,5		2	Đ18A13
68	Vũ Mai Phong	0754	Nam	04/10/2001	6,4	7,0	9,0		22,4		2	Đ18A10
69	Bùi Quốc Phú	0755	Nam	03/02/2002	6,3	7,1	9,0		22,4		2NT	Đ18A11
70	Lê Hồng Phúc	0756	Nam	10/05/2002	6,2	8,8	10,0		25,0		3	Đ18A12
71	Trần Đăng Phúc	0757	Nam	16/01/1995	7,0	5,9	9,0		21,9		2	Đ18A8
72	Nguyễn Văn Quang	0760	Nam	27/01/1999	7,3	7,7	10,0		25,0		3	Đ18A10
73	Trịnh Minh Quang	0761	Nam	31/08/2002	7,2	7,7	9,0		23,9		2	Đ18A11
74	Trịnh Xuân Quốc	0764	Nam	05/11/2002	6,3	8,3	9,5		24,1		1	Đ18A9
75	Quách Thị Diễm Quỳnh	0765	Nữ	28/09/2002	6,2	9,0	9,0		24,2		3	Đ18B3
76	Bùi Tiến Sinh	0768	Nam	10/03/2001	6,4	8,8	10,0		25,2		2	Đ18A13
77	Bùi Đình Sơn	0769	Nam	28/09/1995	5,3	5,6	9,0		19,9		3	Đ18A14
78	Bùi Đức Sơn	0770	Nam	12/05/2002	5,5	8,3	9,0		22,8	01	3	Đ18A11
79	Phan Tuấn Tài	0774	Nam	07/01/2001	7,9	8,6	10,0		26,5		2	Đ18A13
80	Nguyễn Đình Thái	0778	Nam	31/03/2002	6,2	8,4	9,0		23,6		3	Đ18A12
81	Đặng Đức Thắng	0780	Nam	15/08/2002	6,9	7,9	7,5		22,3	01	1	Đ18A9
82	Đinh Ngọc Thiện	0785	Nam	20/10/2002	6,9	7,4	7,5		21,8	01	1	Đ18A10
83	Nguyễn Quốc Thông	0787	Nam	27/08/2001	6,3	7,3	9,0		22,6		2	Đ18A11
84	Phạm Thị Biên Thùy	0791	Nữ	20/04/2002	6,4	9,4	9,0		24,8		3	Đ18B4
85	Lê ánh Thư	0792	Nữ	24/09/2002	8,5	9,4	10,0		27,9		3	Đ18B3
86	Bùi Duy Thường	0793	Nam	05/04/1996	5,8	6,8	9,0		21,6		3	Đ18A14
87	Trần Thanh Thưởng	0794	Nam	06/08/2002	5,9	6,7	9,0		21,6	01	1	Đ18A8
88	Nguyễn Văn Tiến	0796	Nam	04/12/2002	7,4	7,5	8,5		23,4		2NT	Đ18A9

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
89	Nguyễn Hữu Tiệp	0797	Nam	14/05/2002	7,4	8,7			TUYỂN THẲNG		2	Đ18A13
90	Nguyễn Văn Tỉnh	0798	Nam	07/01/1979	5,3	5,8	9,0		20,1		2NT	Đ18A13
91	Hoàng Anh Toản	0800	Nam	26/01/2001	5,4	6,4	9,5	0,5	20,8		1	Đ18A10
92	Lương Ngọc Trà	0801	Nữ	19/01/2002	7,3	9,7			TUYỂN THẲNG		3	Đ18B4
93	Đăng Văn Trâm	0802	Nam	02/01/1995	6,3	5,8	9,0		21,1		2	Đ18A14
94	Bàn Văn Trọng	0804	Nam	19/03/1992	6,6	7,0	9,0		22,6		3	Đ18A11
95	Trần Danh Trung	0806	Nam	03/10/2000	6,4	7,5			TUYỂN THẲNG		2	Đ18A14
96	Vũ Hoàng Trung	0807	Nam	05/10/1986	7,1	6,9	8,0		22,0		3	Đ18A8
97	Phạm Hùng Trường	0808	Nam	16/03/2002	6,6	7,8	7,5		21,9		3	Đ18A9
98	Dương Quý Tuấn	0810	Nam	18/12/2001	6,3	6,7	9,0		22,0		1	Đ18A12
99	Huỳnh Anh Tuấn	0811	Nam	07/07/2002	6,2	6,2	9,0		21,4		1	Đ18A11
100	Quách Sơn Tùng	0812	Nam	30/08/2002	7,6	7,9	9,0		24,5	01	1	Đ18A8
101	Nguyễn Ngọc Tú	0814	Nữ	05/05/2002	7,6	9,1	8,5		25,2		3	Đ18B3
102	Nguyễn Ngọc Tú	0815	Nam	15/02/2002	7,4	9,0			TUYỂN THẲNG		2	Đ18A13
103	Trần Ngọc Trúc Uyên	0817	Nữ	08/05/2002	6,8	7,9	6,0		20,7		2	Đ18B4
104	Đỗ Văn Việt	0820	Nam	12/03/1999	6,8	8,5	8,5		23,8		3	Đ18A11
105	Đoàn Anh Vinh	0822	Nam	17/07/2002	7,6	7,4	9,0		24,0		1	Đ18A8
106	Đăng Đình Vũ	0824	Nam	06/11/2002	7,2	7,5	9,0		23,7		2NT	Đ18A9
107	Lê Thị Yến	0825	Nữ	15/09/1997	6,4	8,3			TUYỂN THẲNG		2NT	Đ18B3
108	Nguyễn Hoàng Yến	0826	Nữ	02/04/2002	8,0	9,5	10,0		27,5		3	Đ18B4
109	Nguyễn Đức Huy	0827	Nam	23/08/2002	6,6	8,7	7,0		22,3		2	Đ18A9
110	Cao Ngọc Quân	0828	Nam	22/04/2002	6,1	7,7	9,0		22,8		1	Đ18A8

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
111	Đỗ Quốc Anh	0829	Nam	16/07/2002	6,4	7,4	9,0		22,8		2NT	Đ18A11
112	Dương Tùng Dương	0830	Nam	18/10/2001	7,8	7,8	8,0		23,6		1	Đ18A10
113	Phan Thi Mỹ Vân	0831	Nữ	03/11/2002	7,5	8,2	6,0		21,7		2NT	Đ18B3
114	Ngô Văn Quân	0832	Nam	28/10/2002	6,9	8,2	9,0		24,1		1	Đ18A12
115	Đinh Hương Liên	0833	Nữ	14/08/2002	6,5	7,6	9,5		23,6		1	Đ18B3
116	Bùi Quốc Việt	0834	Nam	08/07/2002	6,5	6,7	9,0		22,2		2NT	Đ18A12
117	Cấn Thuỳ Trang	0835	Nữ	13/11/2002	7,1	7,9	5,5		20,5		2	Đ18B4
118	Phạm Thị Thảnh	0836	Nữ	26/12/2002	5,5	7,4	9,5		22,4	01	1	Đ18B4
119	Trương Đức Thuận	0837	Nam	26/06/2002	7,6	8,6	9,0		25,2		3	Đ18A12
120	Nguyễn Văn Hảo	0838	Nam	29/11/2002	8,3	8,4	7,0		23,7		2	Đ18A8
121	Khúc Xuân Văn	0839	Nam	11/12/2002	6,6	7,3	9,0		22,9	01	1	Đ18A10
122	Nguyễn Văn Hải	0840	Nam	20/01/2001	6,2	6,5	9,0		21,7		1	Đ18A11
123	Vũ Bá Trường	0841	Nam	10/07/2002	7,0	8,5	8,0		23,5		2NT	Đ18A10
124	Nguyễn Phương Nam	0842	Nam	10/12/2002	8,0	8,5	7,5		24,0		2	Đ18A12
125	Lường Thị Liên	0843	Nữ	20/08/2000	6,1	8,3	8,5		22,9		1	Đ18B4
126	Phạm Minh Đức	0844	Nam	18/10/2000	6,4	7,1	9,0		22,5		3	Đ18A9
127	Phạm Thị Hồng	0845	Nữ	27/06/2002	6,9	9,6	9,0		25,5		3	Đ18B3
128	Hoàng Thanh Giang	0846	Nữ	27/04/2001	6,4	8,3	10,0		24,7		3	Đ18B3
129	Nguyễn Chí Hiếu	0847	Nam	15/05/2002	8,5	8,5	7,0		24,0		3	Đ18A11
130	Hoàng Thị Mai	0848	Nữ	22/04/1999	7,1	7,9	10,0	0,5	24,5	01	2	Đ18B4
131	Lường Xuân Quý	0849	Nam	07/09/2002	5,9	7,4	9,0		22,3	01	1	Đ18A10
132	Lê Việt Hoàng	0850	Nam	25/07/2001	6,7	6,0	9,0		21,7		1	Đ18A12

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

TS'2020-HỆ ĐH, CQ

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC NĂM 2020 - ĐỢT 2

HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY, NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

STT	HỌ VÀ TÊN	SBD (TDH-)	NAM NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM BA MÔN			ĐIỂM TRỪ THỂ HÌNH	TỔNG ĐIỂM	ĐT	KHU VỰC	PHÂN LỚP BAN ĐẦU
					MÔN 1	MÔN 2	NĂNG KHIẾU					
133	Cao Mạnh Cường	0851	Nam	31/10/2002	6,2	9,2	9,0		24,4		3	Đ18A10
134	Nguyễn Đức Nghĩa	0852	Nam	11/04/2002	6,0	8,9	9,0		23,9		3	Đ18A12
135	Phạm Thị Thu Trang	0853	Nữ	07/03/1998	7,0	9,2	10,0		26,2		3	Đ18B3
136	Triệu Tuấn Anh	0854	Nam	26/06/2001	6,8	6,9	9,0		22,7		1	Đ18A9
137	Bùi Tuấn Đạt	0855	Nam	19/10/2002	6,9	7,7	8,5		23,1	01	1	Đ18A8
138	Ngô Thế Anh	0856	Nam	01/01/2002	6,4	8,9	9,0		24,3		3	Đ18A8
139	Triệu Đức Trọng	0857	Nam	13/02/2002	6,2	7,3	9,0		22,5	01	1	Đ18A12
140	Phạm Xuân Quang	0859	Nam	28/09/2002	7,0	7,7	7,0		21,7		2	Đ18A9
141	Lý Hoàng Anh	0860	Nam	04/05/2001	7,2	7,3	9,5		24,0	01	1	Đ18A10
142	Bùi Huy Tưởng	0861	Nam	10/04/1998	5,9	5,9	9,0		20,8		2	Đ18A9
143	Ngô Đức Anh	0862	Nam	03/10/1996	5,5	7,4	9,0		21,9		2	Đ18A9
144	Phạm Ngọc ánh	0863	Nữ	22/07/2002	6,4	7,4	9,0		22,8		2	Đ18B3
145	Nguyễn Thanh Hải	0864	Nam	03/04/1980	5,8	6,1	10,0		21,9		2	Đ18A13

TỔNG CỘNG CÓ **145** THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC.

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2020

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Duy Quyết

* GHI CHÚ : *Điểm các môn tính hệ số 1. Không có sự chênh lệnh điểm chuẩn giữa các Tổ hợp môn.*
Môn 1 = Toán hoặc Ngữ văn (lớp 12 THPT)
Môn 2 = Sinh hoặc Giáo dục Công dân (lớp 12 THPT)